

Số: /PAS-VTTBYT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp vắc xin tại Việt Nam

Ngày 03/4/2025, Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh phát hành yêu cầu báo giá số 811/PAS-VTTBYT. Tuy nhiên, Viện vẫn chưa nhận đủ báo giá cho danh mục vắc xin cần lập dự toán. Để có cơ sở xây dựng dự toán cho đầy đủ các danh mục, Viện kính mời các nhà cung cấp quan tâm tiếp tục báo giá vắc xin tiêm ngừa dịch vụ như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, P. Võ Thị Sáu, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người nhận báo giá: Cao Thị Ngọc Thảo
- Chức vụ: Chuyên viên cung ứng – Phòng Vật tư Thiết bị y tế
- Số điện thoại: 093 654 8286
- Địa chỉ email: thamctn@pasteurhcm.edu.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ lúc thông tin đăng tải thành công đến 17 giờ 00 ngày 24 tháng 4 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá vắc xin tiêm ngừa dịch vụ

1. Danh mục: *Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm.*
2. Số lượng: *Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm.*
3. Yêu cầu kỹ thuật: *Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm./.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG VTTBYT

Lê Việt Hà

Phụ lục I
DANH MỤC VẮC XIN

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /PAS-VTTBYT ngày / /)

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Vắc xin phòng Viêm gan A	80 U virút viêm gan A bất hoạt chủng GBM/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Bơm tiêm	3.000	1
2	Vắc xin phòng Viêm gan A	<100 mcg kháng nguyên vi rút viêm gan A/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	2.000	4
3	Vắc xin phòng Viêm gan B	10 mcg kháng nguyên bề mặt của vi rút viêm gan B/0,5 ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	500	4
4	Vắc xin phòng Viêm gan B	10 mcg kháng nguyên HBsAg/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	500	5
5	Vắc xin phòng Viêm gan B	20 mcg kháng nguyên bề mặt của vi rút Viêm gan B/1 ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	10.000	4
6	Vắc xin phòng Viêm gan B	20 mcg kháng nguyên HBsAg/1ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	10.000	5
7	Viêm gan phòng phối hợp 2 bệnh Viêm gan A và B	720 đơn vị Elisa vi rút viêm gan A bất hoạt/1ml 20 mcg kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B/1ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Hộp	3.000	1
8	Vắc xin phòng Thương hàn	25mcg polysaccharide của Salmonella typhi chủng Ty2/0,5ml	Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Bơm tiêm	5.000	1
9	Vắc xin phòng Đại	3,25IU vi rút dại chủng Wistar rabies PM/WI 38 1503-3M/0,5ml	Tiêm bắp và tiêm trong da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	20.000	1
10	Vắc xin phòng Đại	≥ 2,5 IU vi rút dại chủng Pitman Moore /0,5ml	Tiêm bắp và tiêm trong da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc	Lọ	10.000	5

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
				tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô			
11	Vắc xin phòng Đại	$\geq 2,5$ IU vi rút đại chủng L.Pasteur 2061/VERO/0,5ml	Tiêm bắp và tiêm trong da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	20.000	5
12	Vắc xin phòng cúm mùa	Vắc xin dạng mảnh, bất hoạt gồm: - 15mcg HA type A H1N1/0,5ml, - 15mcg HA type A H3N2/0,5ml, - 30mcg HA 2 chủng type B/0,5ml; Các chủng virus theo khuyến cáo của WHO và liên minh châu Âu cho mùa cúm hàng năm.	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Bơm tiêm	20.000	1
13	Vắc xin phòng cúm mùa	Vắc-xin công nghệ tiểu đơn vị, chỉ lấy kháng nguyên bề mặt, gồm: -15mcg haemagglutinin và neuraminidase type A H1N1/0,5ml, -15mcg haemagglutinin và neuraminidase type A H3N2/0,5ml, -30mcg haemagglutinin và neuraminidase 2 chủng type B/0,5ml, 4 chủng virus cúm được WHO khuyến cáo sử dụng hàng năm	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Bơm tiêm	15.000	1
14	Vắc xin phòng cúm mùa	Kháng nguyên tinh khiết, bất hoạt virus cúm: 15mcg type A H1N1/0,5ml, 15mcg type A H3N2/0,5ml, 30mcg 2 chủng type B/0,5ml, 4 chủng virus cúm được WHO khuyến cáo sử dụng hàng năm	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Liều	5.000	2
15	Vắc xin phòng cúm mùa	Kháng nguyên bề mặt (Haemagglutinin) tinh chế vi rút cúm: 15mcg type A H1N1/0,5ml, 15mcg type A H3N2/0,5ml, 15mcg chủng type B/0,5ml, 3 chủng virus cúm được WHO khuyến cáo sử dụng hàng năm	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	2.000	4
16	Vắc xin phối hợp phòng 6 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Bại liệt - Hib và Viêm gan B	Hỗn dịch đóng sẵn trong ống tiêm: - ≥ 20 IU giải độc tố bạch hầu/0,5ml, - ≥ 40 IU giải độc tố uốn ván/0,5ml, - 25mcg giải độc tố ho gà (PT)/0,5ml, 25mcg ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA)/0,5ml, - Virus bại liệt (bất hoạt): 40 đơn vị kháng nguyên D Tuýp 1/0,5ml; 8 đơn vị kháng nguyên D Tuýp 2 /0,5ml; 32 đơn vị kháng nguyên D Tuýp 3/0,5ml,	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Bơm tiêm	3.000	1

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
		- 10mcg kháng nguyên bề mặt viêm gan B/0,5ml, -12mcg polysaccharide của H.influenzae tuýp b cộng hợp với 22-36mcg protein uồn ván/0,5ml					
17	Vắc xin phối hợp phòng 6 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Bại liệt - Hib và Viêm gan B	Bao gồm bột đông khô (Hib) và hỗn dịch (DTPa-HBV-IPV) để pha hỗn dịch tiêm: - ≥ 30 UI biến độc tố bạch hầu/0,5ml, - ≥ 40 UI biến độc tố uốn ván/0,5ml, - 25mcg biến độc tố ho gà /0,5ml, 25mcg Filamentous Haemagglutinin/0,5ml, 8mcg Pectactin/0,5ml, -10 mcg kháng nguyên bề mặt VGB/0,5ml, - Vi rút bại liệt bất hoạt: 40 đơn vị kháng nguyên D Tuýp 1/0,5ml; 8 đơn vị kháng nguyên D Tuýp 2/0,5ml; 32 đơn vị kháng nguyên D Tuýp 3/0,5ml, - 10mcg Polysaccharide H. influenzae type b, cộng hợp với 20-40 mcg biến độc tố uốn ván/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Liều	8.000	1
18	Vắc xin phối hợp phòng 4 bệnh: Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Bại liệt	≥ 30 UI biến độc tố bạch hầu/0,5ml, ≥ 40 UI biến độc tố uốn ván/0,5ml, - Kháng nguyên Bordetella pertussis: 25mcg biến độc tố ho gà/0,5ml; 25mcg ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA)/0,5ml, - Vi rút bại liệt bất hoạt: 40 DU Tuýp 1/0,5ml; 8 DU Tuýp 2/0,5ml, 32 DU Tuýp 3/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Bơm tiêm	4.000	1
19	Vắc xin phối hợp phòng Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván	2Lf giải độc tố bạch hầu/0,5ml, 5Lf giải độc tố uốn ván/0,5ml, Thành phần ho gà: 2,5mcg giải độc tố ho gà (PT)/0,5ml, 5mcg ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA)/0,5ml, 3mcg Pertactin (PRN)/0,5ml, 5mcg ngưng kết tố 2+3 (FIM)/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	5.000	5
20	Vắc xin phối hợp phòng Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván	≥ 2 UI (2,5Lf) giải độc tố bạch hầu/0,5ml, ≥ 20 UI (5Lf) giải độc tố uốn ván/0,5ml, 8mcg giải độc tố ho gà/0,5ml, 8mcg ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi/0,5ml, 2,5mcg Pertactin/0,5ml	Tiêm bắp sâu	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Hộp	3.000	1
21	Vắc xin phối hợp phòng Bạch hầu - Uốn ván	Giải độc tố uốn ván tinh chế 2 đvqt Giải độc tố bạch hầu tinh chế 2 đvqt	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc	Ống	3.000	4

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
		Aluminium Phosphat (AlPO ₄) cao nhất 3mg		tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô			
22	Vắc xin phòng Não mô cầu	4mcg Polysaccharide não mô cầu (nhóm huyết thanh A)/0,5ml; 4mcg Polysaccharide não mô cầu, (nhóm huyết thanh C)/0,5ml; 4mcg Polysaccharide não mô cầu, (nhóm huyết thanh Y) /0,5ml; 4mcg Polysaccharide não mô cầu, (nhóm huyết thanh W-135)/0,5ml; 48 mcg Protein giải độc tổ bạch hầu (Protein mang)/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	6.000	5
23	Vắc xin phòng Não mô cầu	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	Tiêm bắp sâu	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Hộp	4.000	1
24	Vắc xin phòng Thủy đậu	$\geq 10^{3.3}$ PFU chủng Oka vi-rút varicella-zoster sống, giảm độc lực/0,5ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Hộp	10.000	1
25	Vắc xin phòng Thủy đậu	≥ 1350 PFU chủng Oka vi-rút thủy đậu /0,5ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	10.000	1
26	Vắc xin ngừa HPV	20mcg protein L1 HPV 6/0,5ml, 40mcg protein L1 HPV 11/0,5ml, 40mcg protein L1 HPV 16/0,5ml, 20mcg protein L1 HPV 18/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	10.000	1
27	Vắc xin ngừa HPV	30 mcg Protein L1 HPV 6/0,5ml, 40 mcg Protein L1 HPV 11/0,5ml, 60 mcg Protein L1 HPV 16/0,5ml, 40 mcg Protein L1 HPV 18/0,5ml, 20 mcg Protein L1 HPV 31/0,5ml, 20 mcg Protein L1 HPV 33/0,5ml, 20 mcg Protein L1 HPV 45/0,5ml, 20 mcg Protein L1 HPV 52/0,5ml, 20 mcg Protein L1 HPV 58/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đông sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Bơm tiêm	35.000	1

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
28	Vắc xin phòng Tiêu chảy do Rotavirus	2,2x10 ⁶ đơn vị gây nhiễm biến thể (bò-người) rotavirus G1/2ml, 2,8x10 ⁶ đơn vị gây nhiễm biến thể (bò-người) rotavirus G2/2ml, 2,2x10 ⁶ đơn vị gây nhiễm biến thể (bò-người) rotavirus G3/2ml, 2,0x10 ⁶ đơn vị gây nhiễm biến thể (bò-người) rotavirus G4/2ml, 2,3x10 ⁶ đơn vị gây nhiễm biến thể (bò-người) rotavirus P1A[8]/2ml	Uống	Dung dịch hoặc hỗn dịch hoặc nhũ dịch uống	Tuýp	3.000	1
29	Vắc xin phòng Tiêu chảy do Rotavirus	≥ 10 ^{6,0} CCID ₅₀ chủng Rotavirus người sống, giảm độc lực RIX 4414/1,5ml	Uống	Dung dịch hoặc hỗn dịch hoặc nhũ dịch uống	Ống	4.000	1
30	Vắc xin phòng Tiêu chảy do Rotavirus	≥ 2 triệu PFU virus Rota giảm độc lực chủng G1P[8]/2ml	Uống	Dung dịch hoặc hỗn dịch hoặc nhũ dịch uống	Lọ	500	4
31	Vắc xin polysaccharide phế cầu liên hợp với protein D của Haemophilus influenzae không định tuýp	1 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 1(1,2), 1 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 5(1,2), 1 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 6B(1,2), 1 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 7F(1,2), 1 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 9V(1,2), 1 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 14(1,2) 1 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 23F(1,2) 3 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 4 (1,2), 3 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 18C(1,3), 3 µg/0,5ml: polysaccharide của phế cầu type huyết thanh 19F (1,4) hấp phụ 0,5 milligram/0,5ml Al ³⁺ , cộng hợp với 13 µg/0,5ml protein D (chiết xuất từ H.influenza không định type), 8 µg/0,5ml giải độc tố uốn ván, 5µg/0,5ml giải độc tố bạch hầu	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Liều	500	1
32	Vắc xin polysaccharide phế cầu cộng hợp với protein mang CRM197 (PCV13)	2,2 µg huyết thanh typ 1* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 3* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 4* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 5* polysaccharide của phế cầu	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Hộp	5.000	1

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
		khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 6A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 4,4 µg huyết thanh typ 6B* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 7F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 9V* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 14* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 18C* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 19A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 19F* polysaccharide của phế cầu khuẩn /0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 23F* polysaccharide của phế cầu khuẩn /0,5ml *Cộng hợp với protein mang CRM197 và hấp phụ trên nhôm phosphat (0,125 mg nhôm mỗi liều)					
33	Vắc xin polysaccharide phế cầu cộng hợp với protein mang CRM197 (PCV15)	2,0 µg huyết thanh typ 1* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 3* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 4* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 5* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 6A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 4,0 µg huyết thanh typ 6B* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 7F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 9V* polysaccharide của phế cầu	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Hộp	5.000	1

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
		khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 14* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 18C* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 19A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 19F* polysaccharide của phế cầu khuẩn /0,5ml, 2,0 µg huyết thanh typ 22F* polysaccharide của phế cầu khuẩn /0,5ml 2,0 µg huyết thanh typ 23F* polysaccharide của phế cầu khuẩn /0,5ml 2,0 µg huyết thanh typ 33F* polysaccharide của phế cầu khuẩn /0,5ml *Cộng hợp với protein mang CRM197 và hấp phụ trên nhôm phosphat					
34	Vắc xin polysaccharide phế cầu cộng hợp với protein mang CRM197 (PCV20)	2,2 µg huyết thanh typ 1* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 3* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 4* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 5* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 6A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 4,4 µg huyết thanh typ 6B* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 7F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 8* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 9V* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml,	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Hộp	5.000	1

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
		2,2 µg huyết thanh typ 10A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 11A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 12F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 14* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 15B* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 18C* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 19A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 19F* polysaccharide của phế cầu khuẩn /0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 22F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 23F* polysaccharide của phế cầu khuẩn /0,5ml 2,2 µg huyết thanh typ 33F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml *Cộng hợp với protein mang CRM197 (khoảng 51mcg mỗi liều) và hấp phụ trên nhôm phosphat (0,125 mg nhôm mỗi liều)					
35	Vắc xin polysaccharide ngừa 23 chủng phế cầu	Mỗi liều 0,5ml chứa 25 mcg của mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Bơm tiêm	5.000	1
36	Huyết thanh kháng đại	1000 IU kháng thể kháng virus đại tinh chế/5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	10.000	4
37	Huyết thanh kháng uốn ván	1500 IU globulin kháng độc tố uốn ván/1ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Ống	2.000	4

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm
38	Vắc xin phòng Uốn ván	≥ 40 IU giải độc tố uốn ván tinh chế/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Ống	30.000	4
39	Vắc xin phòng Viêm não Nhật Bản	4,0-5,8 log PFU vi-rút viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 /0,5ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	6.000	5
40	Vắc xin phòng Viêm não Nhật Bản	6 mcg virus viêm não Nhật Bản tinh khiết, chủng SA 14-14-2 /0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	2.000	5
41	Vắc xin phòng Viêm não Nhật Bản	3 mcg virus viêm não Nhật Bản tinh khiết, chủng SA 14-14-2 /0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	1.000	5
42	Vắc xin phối hợp phòng 3 bệnh: Sởi - Quai bị - Rubella	1000 CCID ₅₀ virus sởi chủng Edmonston/ 0,5ml, 12500 CCID ₅₀ virus quai bị chủng Jeryl Lynn/0,5ml, 1000 CCID ₅₀ virus rubella chủng Wistar RA 27/3/0,5ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Lọ	16.000	1
43	Vắc xin phối hợp phòng 3 bệnh: Sởi - Quai bị - Rubella	$\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀ virus sởi chủng Schwarz/0,5ml, $\geq 10^{3,7}$ CCID ₅₀ virus quai bị chủng RIT 4385/0,5ml, $\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀ virus rubella chủng Wistar RA 27/3 /0,5ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Hộp	8.000	1
44	Vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực): $\geq 3,3$ log ₁₀ PFU Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (sống, giảm độc lực): $\geq 2,7$ log ₁₀ PFU Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực): $\geq 4,0$ log ₁₀ PFU Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực): $\geq 4,5$ log ₁₀ PFU	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Liều	30.000	5
45	Vắc xin phòng bệnh Zona	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50 mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm hoặc Thuốc tiêm hoặc Thuốc tiêm đông khô	Liều	10.000	1

Phụ lục II
MẪU BÁO GIÁ (ĐỂ NHÀ CUNG CẤP THAM KHẢO)
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /PAS-VTTBYT ngày / /)

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các (Tên hàng hóa) như sau:

1. Báo giá cho các thuốc:

TT	Tên hoạt chất theo yêu cầu của Viện	Tên thương mại của Vắc xin nhà thầu chào	Phân nhóm	Nồng độ hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Số lượng	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Số đăng ký lưu hành (Cung cấp kèm hồ sơ)	Tuổi thọ	Đơn giá (VNĐ, có VAT)	Thành tiền	Giá kê khai

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))